

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TƯ NGHĨA
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/HS-ST

Ngày 22 - 05 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TƯ NGHĨA, TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Thanh Hòa

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Ngọc Thạch

Bà Phạm Thị Hồng Nga

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Hồng- Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 05 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 05 /2020/TLST-HS ngày 28 tháng 2 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2020/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 4 năm 2020 đối với:

- Bị cáo: HUỲNH TRUNG B.

Sinh ngày 10 tháng 12 năm 1994, tại: tỉnh Q;

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Tổ dân phố 4, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Q (nay số 47 Nguyễn B, phường N, thị xã Đ, tỉnh Q).

Nghề nghiệp: Kinh doanh dịch vụ nấu ăn; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Trung C, sinh năm 1965 và bà Nguyễn Thị Kim A, sinh năm: 1969; bị cáo là con thứ hai trong gia đình; bị cáo có một chị gái và 01 em gái; bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo Huỳnh Trung B bị Cơ quan CSĐT Công an huyện Tư Nghĩa, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa, Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 05 tháng 9 năm 2019 đến ngày xét xử.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- **Bị hại:** Chị Bạch Thị N, sinh năm: 1980, địa chỉ: Thôn A, xã N, huyện T, tỉnh Quảng N (chết).

- **Người đại diện hợp pháp của chị N:** Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1979; địa chỉ: thôn A, xã N, huyện T, tỉnh Q, có mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Nguyễn Thị Kim A, sinh năm: 1969, địa chỉ; số 47 Nguyễn B, phường N, thị xã Đ, tỉnh Q, có mặt.

- Người làm chứng:

1. Ông Nguyễn Thanh L, sinh năm: 1965; vắng mặt;

Địa chỉ: Thôn A, xã N, huyện T, tỉnh Q.

2. Ông Nguyễn L, sinh năm: 1963; vắng mặt;

Địa chỉ: Thôn A, xã N, huyện T, tỉnh Q.

3. Anh Trần Minh P, sinh năm: 1990; vắng mặt;

4. Anh Nguyễn Trí D, sinh năm: 1985; có mặt;

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố 3, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Q (nay phường N, thị xã Đ, tỉnh Q).

5. Anh Nguyễn Văn M, sinh năm: 1992; vắng mặt;

Địa chỉ: Thôn H, xã P, thị xã Đ, tỉnh Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ, ngày 24/8/2019, bị cáo Huỳnh Trung B điều khiển xe ô tô, biển kiểm soát 76A- 096.50 lưu thông trên đường Tỉnh lộ 623 B, theo hướng Đông lên Tây. Khi đến đoạn đường thôn An Hội Bắc 2, xã Nghĩa Kỳ, bị cáo thấy xe mô tô, biển kiểm soát 76K4- 1296 do Bạch Thị N (bị hại) điều khiển và 01(một) xe mô tô do 01 (một) người phụ nữ điều khiển (không xác định), đang đi song song, cùng chiều, phía trước (xe mô tô do bị hại điều khiển chạy trên phần đường ở phía Nam, xe mô tô còn lại chạy trên phần đường ở phía Bắc của vạch sơn liền màu trắng phía Bắc đường Tỉnh lộ 623B). Khi bị hại điều khiển xe đi vượt lên so với xe mô tô thì cùng lúc bị cáo cũng điều khiển xe ô tô bám theo xe của Bạch Thị N. Do thiếu quan sát và không xử lý kịp thời nên xe ô tô do B điều khiển va chạm vào đuôi xe mô tô, biển kiểm soát 76K4- 1296 do chị N điều khiển làm cho chị N bị văng ngã ra đường. Sau đó, chị N được đưa đến Bệnh viện Đa khoa Quảng Ngãi cấp cứu và được người nhà đưa đến Bệnh viện Đa khoa Đà Nẵng điều trị. Hậu quả: Bạch Thị N chết.

Kết quả khám nghiệm hiện trường

Hiện trường nơi xảy ra vụ tai nạn giao thông là đoạn đường nhựa thuộc Tỉnh lộ 623B thuộc thôn An Hội Bắc 2, xã Nghĩa Kỳ. Trục đường nằm theo phương Đông

- Tây, phía Nam và phía Bắc đường là khu vực nhà dân. Lòng đường rộng 8 (tám) mét, được chia thành hai làn đường, chia cắt bởi vạch sơn màu vàng, kéo dài đứt quãng (không liên tục) chạy dọc theo trục đường. Tính từ mép đường phía Bắc và phía Nam đường đo vào hướng lòng đường 0,5 (không phẩy năm) mét, tại vị trí này là vạch sơn màu trắng, kéo dài liên tục theo trục đường. Tại hiện trường ghi nhận: Cách mép đường phía Bắc Tỉnh lộ 623B về hướng Nam 1,8 (một phẩy tám) mét, tại vị trí này là đầu vết chà sát mặt đường nhựa, bề mặt vết bám dính chất lạ, màu đen (ký hiệu vết số 1). Vết số 1 kéo dài liên tục về hướng Tây Nam 26,2 (hai mươi sáu phẩy hai) mét và đến tiếp giáp với mặt ngoài da lốp (mặt lăn) của bánh sau xe mô tô, biển kiểm soát 76K4- 1296; xe mô tô, biển kiểm soát 76K4 - 1296 và xe ô tô, biển kiểm soát 76A- 096.50 đang ở trạng thái đứng, đầu xe quay hướng Tây, đuôi xe quay hướng Đông; xe mô tô, biển kiểm soát 76K4- 1296 bị mắc dính vào chính giữa, phía trước đầu xe ô tô, biển kiểm soát 76A- 096.50; cách hình chiếu tâm đầu trục bên phải, bánh trước xe mô tô, biển kiểm soát 76K4- 1296 xuống mặt đường nhựa về hướng Tây Bắc 4,9 (bốn phẩy chín) mét và cách mép đường phía Bắc Tỉnh lộ 623B về hướng Nam 2,4 (hai phẩy bốn) mét, tại vị trí này là tâm của một dấu vết máu trong diện tích thước (0,6 x 0,25) mét.

Kết quả kiểm tra nồng độ cồn

Lúc 16 giờ 03 phút ngày 24/8/2019, Công an huyện Tư Nghĩa tiến hành kiểm tra nồng độ cồn trong hơi thở của Huỳnh Trung B, kết quả xác định nồng độ cồn là 0,086mg/l (không phẩy không tám sáu miligam trên một lít khí thở). Quá trình làm việc xác định bị cáo B đã sử dụng bia vào đêm ngày 23/8/2019 và khai nhận từ khi xảy ra va chạm đến khi kiểm tra nồng độ cồn thì bị cáo B không sử dụng thức ăn hay đồ uống gì.

Kết quả kết luận giám định

Tại Kết luận giám định số 691/KLGD-PC09 ngày 28/8/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ngãi, kết luận nguyên nhân chết của Bạch Thị N là: “Đa thương tích, chấn thương sọ não, rạn nứt xương hộp sọ, xuất huyết não dẫn đến chết”.

Tại Kết luận giám định tư pháp số 2349/SGTVT-KLGD ngày 11/9/2019 của Sở Giao thông Vận tải tỉnh Quảng Ngãi, kết luận: xe ô tô biển kiểm soát 76A-096.50 đảm bảo đầy đủ các thông số kỹ thuật khi lưu thông.

Tại Kết luận giám định số 717/KLGD-PC09 ngày 09/9/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ngãi, kết luận:

“1. Điểm va chạm đầu tiên giữa hai phương tiện là mặt trước khu vực lô-gô “KIA” phía trên lưới tản nhiệt giữa đầu xe ô tô 76A-096.50 với mặt sau cụm đèn stop, đèn xi-nhanh ở đuôi xe mô tô 76K4-1296.

2. Vị trí va chạm đầu tiên trên mặt đường giữa xe ô tô 76A-096.50 với xe mô tô 76K4-1296 là khu vực phía Đông đầu vết chà sát màu đen ký hiệu số 1 trên mặt đường, thuộc làn đường phía Bắc Tỉnh lộ 623B.

3. Quá trình xảy ra tai nạn, phần đuôi và bánh sau xe mô tô 76K4-1296 bị mắc kẹt vào đầu xe ô tô 76A-096.50 đẩy trượt trên mặt đường theo hướng từ Đông Bắc sang Tây Nam, mặt lăn bánh sau xe mô tô 76K4-1296 chà sát với mặt đường tạo ra dấu vết chà sát màu đen ký hiệu số 1.

4. Không có căn cứ để giám định vận tốc của xe ô tô 76A-096.50 và xe mô tô 76K4-1296 tại thời điểm xảy ra tai nạn. Khi xảy ra tai nạn, vận tốc của xe ô tô 76A-096.50 lớn hơn vận tốc của xe mô tô 76K4-1296”.

Về vật chứng, phương tiện liên quan đến vụ án và các tình tiết có liên quan.

Xe mô tô, biển kiểm soát 76K4- 1296 là của Nguyễn Văn D làm chủ sở hữu. Cơ quan CSĐT Công an huyện Tư Nghĩa đã trả lại xe cho Nguyễn Văn D. Đối với xe ô tô, biển kiểm soát 76A- 096.50 là của bà Nguyễn Thị Kim A làm chủ sở hữu. Cơ quan CSĐT Công an huyện Tư Nghĩa đã trả lại cho bà Nguyễn Thị Kim A.

01 giấy phép lái xe, số 510146001789, hạng A1, B2, ghi tên: Huỳnh Trung B, đang được bảo quản tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tư Nghĩa.

Về phần dân sự

Bị cáo, đại diện hợp pháp của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thỏa thuận bồi thường xong.

Tại bản cáo trạng số 360/CT-VKSTN-HS ngày 23/10/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa đã truy tố bị cáo Huỳnh Trung B về tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*”, theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 260 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu phân tích tính chất của vụ án, giữ nguyên Quyết định truy tố, bổ sung đề nghị áp dụng tình tiết người phạm tội đầu thú đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm b, khoản 2, Điều 260; điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo 36 tháng tù cho hưởng án treo; về vật chứng đề nghị tuyên trả 01 Giấy phép lái xe cho bị cáo; về phần dân sự đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Bị cáo Huỳnh Trung B yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét lại hoạt động tố tụng đối với việc đo nồng độ cồn của bị cáo, bị cáo uống từ tối ngày 23/8/2019, uống với số lượng ít, sang ngày 24/8/2019 bị cáo đã ăn sáng, ăn trưa sinh hoạt bình thường;

hơn nữa máy đo nồng độ còn có trục trặc, ghi sai thông tin tên họ và đề nghị Hội đồng xét xử đánh giá lại tài liệu chứng cứ này.

Người đại diện hợp pháp cho người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tranh luận

Bị cáo: Đề nghị loại bỏ, không chấp nhận kết quả đo nồng độ cồn của Công an huyện Tư Nghĩa đối với bị cáo do không đảm bảo theo quy định; sai địa chỉ, sai họ; bị cáo uống bốn đến năm lon bia vào lúc chín đến mười giờ tối ngày hôm trước, sáng ngày hôm sau bị cáo ăn uống, sinh hoạt bình thường. Sau khi tai nạn xảy ra, bị cáo được kiểm tra nồng độ cồn như máy bị trục trặc nên không đo được, nhưng công an yêu cầu bị cáo lái xe về trụ sở nên độ cồn cơ thể bị cáo không làm ảnh hưởng đến việc bị cáo lái xe, việc đo nồng độ cồn xác định chỉ số 0,086mg/l không đảm bảo khách quan.

Kiểm sát viên: Căn cứ vào các bút lục 236, 237 và một số tài liệu khác, xác định việc đo nồng độ cồn trong hơi thở cho bị cáo là 0,086mg/l được in từ máy chuyên dụng (thể hiện phiếu đo ở bút lục số 158); máy đo đảm bảo tiêu chuẩn, việc tiến hành kiểm tra là khách quan. Còn việc sai sót về địa điểm đo ở Trụ sở công an huyện Tư Nghĩa nhưng lại ghi trong phiếu đo là ở Nghĩa Kỳ là do máy khi đó pin yếu nên còn lưu lại thông tin. Đây là lỗi cá nhân của người vận hành máy.

Bị cáo: Bị cáo đã uống bia từ tối hôm trước, chỉ số thì lại quá nhỏ 0, 086mg/l máy lại trục trặc. Trong khi đó, khi tai nạn vừa xảy ra, bị cáo rất lo sợ nhưng khi tiến hành yêu cầu bị cáo thổi vào máy đo nồng độ cồn nhưng người vận hành máy không giới thiệu họ, tên, chức vụ, quyền hạn, lý do đo nồng độ cồn, không lập biên bản khi đo, không cho bị cáo xem vào màn hình của máy kiểm tra nồng độ cồn để biết chỉ số trước khi đo và sau khi thổi xong cũng không cho bị cáo xem chỉ số là bao nhiêu; người vận hành máy chỉ vào phiếu đo là thấy có chỉ số 0,086mg/l và bảo ký xác nhận vào phiếu đo nhưng không giải thích quyền, nghĩa vụ cho bị cáo, không cho bị cáo đọc lại toàn bộ nội dung phiếu đo. Đối với việc vận hành máy kiểm tra nồng độ cồn mà cho rằng pin của máy yếu nên lưu lại thông tin là không đúng, vì khi pin yếu sẽ tắt nguồn và sẽ không lưu thông tin.

Kiểm sát viên: Máy kiểm tra nồng độ cồn pin bị yếu tuy nhiên không phải là không vận hành được, máy đã được kiểm định về chất lượng cho nên bị cáo cho rằng máy đo không chính xác là ý chí chủ quan của bị cáo. Việc sử dụng kết quả của việc đo nồng độ cồn làm chứng cứ và đánh giá chứng này là do Hội đồng xét xử quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử

Ngày 22/11/2019, bị cáo Huỳnh Trung B yêu cầu xem xét lại sự việc đo nồng độ cồn cho bị cáo. Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa đã trả điều tra bổ sung yêu cầu làm rõ vì sao tại phiếu đo (biên bản: 00273) nồng độ cồn (bút lục số 158) thể hiện: Tên người lái xe: HUYNH TRUNG B nhưng thể hiện chữ ký của Huỳnh Trung B. Vì sao tại phiếu đo (biên bản: 00273) nồng độ cồn (bút lục số 158) thể hiện: Địa điểm kiểm tra là: NGHIA KY nhưng các tài liệu trong khác thể hiện việc lấy đo nồng độ cồn tại trụ sở Công an huyện Tư Nghĩa. Đồng thời, yêu cầu làm rõ khi tiến hành kiểm tra nồng độ cồn đối với bị cáo B có lập biên bản hay không.

Ngày 17/12/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa đã tiến hành phối hợp với Cơ quan CSĐT Công an huyện Tư Nghĩa làm rõ và xác định: sai sót trên là do lỗi cá nhân trong quá trình nhập vào thiết bị kiểm tra. Cụ thể, người vận hành máy nhập từ “**HUYNH**” là bị lỗi, mà đúng là “**HUYNH**”, đồng thời kiểm tra nồng độ cồn tại Công an huyện Tư Nghĩa nhưng người kiểm tra (vận hành máy) nhập nhầm địa điểm nơi xảy ra sự việc nên đã nhập “**NGHIA KY**”. Việc đo nồng độ cồn của bị cáo sau khi được tiến hành sẽ in trực tiếp từ máy đo chuyên dụng thể hiện việc đo nồng độ cồn của bị cáo B là **Biên bản**: 00273 và số ID: 852579.

HĐXX nhận định: Vụ việc tai nạn xảy ra lúc 14 giờ ngày 24/8/2019, theo qui định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư liên tịch số 26/2014/TTLT-BYT-BCA ngày 23 tháng 07 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế và Bộ trưởng Bộ Công an ban hành quy định về xét nghiệm nồng độ cồn trong máu của người điều khiển phương tiện giao thông cơ giới đường bộ thì “*Người điều khiển phương tiện giao thông cơ giới đường bộ gây tai nạn hoặc bị tai nạn giao thông được sĩ quan, hạ sĩ quan Công an nhân dân (sau đây viết tắt là cán bộ Công an) đang làm nhiệm vụ điều tra, giải quyết tai nạn giao thông yêu cầu kiểm tra nồng độ cồn trong máu*” nhưng Công an huyện Tư Nghĩa không thực hiện việc kiểm tra nồng độ cồn trong máu của bị cáo mà lựa chọn việc kiểm tra nồng độ cồn trong hơi thở bằng sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ (gọi là máy đo nồng độ cồn).

Tại hiện trường, do máy kiểm tra nồng độ cồn bị trục trặc (không vận hành được) nên việc thực hiện kiểm tra nồng độ cồn trong hơi thở của bị cáo được thực hiện tại trụ sở Công an huyện Tư Nghĩa vào lúc 16 giờ 6 phút 24/8/2019, đến ngày 5/9/2019 khởi tố vụ án, khởi tố bị can. Đây là hoạt động tố tụng trước khi khởi tố vụ án và có sử dụng máy chuyên dụng nên yêu cầu hoạt động thực hiện kiểm tra nồng độ cồn trong hơi thở của bị cáo phải tuân thủ các qui định tại Bộ luật tố tụng Hình sự (BLTTHS) và các văn bản hướng dẫn nghiệp vụ chuyên ngành đối với việc sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ.

Theo đó, Điều 102 BLTTHS về biên bản về hoạt động kiểm tra, xác minh nguồn tin về tội phạm, khởi tố, điều tra, truy tố xét xử có qui định: *Những tình tiết được ghi trong biên bản về hoạt động kiểm tra, xác minh... được lập theo quy định của Bộ luật này có thể coi là chứng cứ.* Với quy định này, khi tiến hành hoạt động kiểm tra để xác định nồng độ cồn trong hơi thở của Huỳnh Trung B phải lập biên bản và ghi rõ trong biên bản những tình tiết liên quan đến hoạt động kiểm tra nồng độ cồn. Nhưng thực tế hoạt động kiểm tra nồng độ cồn trong hơi thở đối với bị cáo không được lập theo quy định về văn bản tố tụng, biên bản trong hoạt động tố tụng được quy định tại Điều 132, Điều 133 BLTTHS.

Ngoài việc tuân thủ các qui định trong BLTTHS như chỉ dẫn, hoạt động thu thập chứng cứ của Cơ quan cảnh sát điều tra cần phải tuân thủ các văn bản hướng dẫn nghiệp vụ hướng dẫn chuyên ngành đối với việc sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ. Theo quy định Điều 3 của Thông tư 40/2015/TT-BCA ngày 24 tháng 8 năm 2015 của Bộ công an quy định về sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ trong công an nhân dân để phát hiện vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông và bảo vệ môi trường; khoản 2 Điều 6 Thông tư 01/2016/TT-BCA ngày 04 tháng 01 năm 2016 quy định nhiệm vụ, quyền hạn, hình thức, nội dung tuần tra, kiểm soát giao thông đường bộ của cảnh sát giao thông; Điều 9 Nghị định 165/2013/NĐ - CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 quy định việc quản lý, sử dụng và danh mục các phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ được sử dụng để phát hiện vi phạm hành chính về trật tự, an toàn; điểm c Khoản 2 Điều 64 Luật xử lý vi phạm hành chính thể hiện: ***kết quả thu thập được bằng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ phải được ghi nhận bằng văn bản.***

Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa xác định phiếu đo nồng độ cồn ký hiệu (hoạt động tiền tố tụng) 00273 (tại bút lục 158) là ***Văn bản tố tụng, Biên bản của hoạt động tố tụng*** là không có cơ sở. Tuy trên phiếu đo nồng độ cồn có một số thông tin như: người vận hành, người được đo, địa điểm, thời gian nhưng chưa thể hiện được đầy đủ các nội dung, yêu cầu của văn bản tố tụng, biên bản quy định tại Điều 132, Điều 133 BLTTHS. Bên cạnh đó, phiếu đo nồng độ cồn có những thông tin không chính xác như: họ là “HUYNH” nhưng ghi “HUYNG”; địa kiểm tra nồng độ cồn tại Công an huyện Tư Nghĩa (thị trấn La Hà) nhưng người kiểm tra (vận hành máy) ghi trong phiếu đo là “NGHIA KY” (địa điểm xã Nghĩa Kỳ).

Từ những phân tích trên, căn cứ vào Điều 13, Điều 86, Điều 87 BLTTHS đủ cơ sở khẳng định: Khi tiến hành kiểm tra nồng độ cồn trong hơi thở của bị cáo B, cơ quan CSĐT Công an huyện Tư Nghĩa không tiến hành lập biên bản. Tại phiên tòa, bị cáo khai: Sau khi tai nạn, cán bộ đã tiến hành các bước đo nồng độ cồn nhưng chưa thực hiện vì máy đo bị trục trặc, không cho bị cáo biết trình trạng của máy đo, không

cho bị cáo biết chỉ số ban đầu của máy (trước khi đo) mà chỉ vào số đo kết quả và cho ký vào tờ kết quả in ra từ máy đo, không giải thích các quyền và nghĩa vụ cho bị cáo khi tiến hành hoạt động kiểm tra nồng độ cồn. Do đó, kết quả xác định nồng độ cồn 0,086mg/l (không phải không tám sáu miligam trên một lít khí thở) được thể hiện tại phiếu đo nồng độ cồn có ký hiệu 00273 là có thật nhưng không được thu thập theo trình tự, thủ tục luật định nên không có giá trị pháp lý và không được dùng làm căn cứ để xác định có hay không có hành vi bị cáo B khi điều khiển xe ô tô, biển kiểm soát 76A- 096.50 gây tai nạn, có nồng độ cồn trong hơi thở.

Hội đồng xét xử không sử dụng Giấy đo nồng độ cồn lập ngày 24/8/2019 để làm chứng cứ buộc tội bị cáo theo điểm b khoản 2 Điều 260 BLHS. Căn cứ vào Điều 298 BLTTHS, HĐXX xét xử bị cáo theo qui định tại điểm a khoản 1 Điều 260 BLHS.

Đối với các hành vi, quyết định tố tụng khác của Cơ quan điều tra Công an huyện Tư Nghĩa, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự và hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo ở giai đoạn điều tra, truy tố, phù hợp với lời khai của đại diện bị hại, người làm chứng và phù hợp với chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án được Hội đồng xét xử thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Huỳnh Trung B là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự nhưng khi điều khiển xe ô tô tham gia giao thông, bị cáo không chấp hành đúng quy định của Luật giao thông đường bộ, không giữ khoảng cách an toàn với xe chạy liền trước nên đã va chạm với xe mô tô, biển kiểm soát: 76K4- 1296 do chị Bạch Thị N điều khiển đang lưu thông cùng chiều gây tai nạn, hậu quả làm chị N chết. Hành vi của bị cáo đã vi phạm: Khoản 1 Điều 12 Luật giao thông đường bộ: *“Người lái xe, người điều khiển xe máy chuyên dùng phải tuân thủ quy định về tốc độ xe chạy trên đường và phải giữ một khoảng cách an toàn đối với xe chạy liền trước xe của mình; ở nơi có biển báo “Cự ly tối thiểu giữa hai xe” phải giữ khoảng cách không nhỏ hơn số ghi trên biển báo”*.

Hành vi của bị cáo B là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe, tính mạng của người khác, gây mất ổn định an ninh, trật tự, an toàn giao thông ở địa phương nói riêng, tình hình trật tự an toàn giao thông đường bộ nói chung. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội: *“Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”* theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 của Bộ luật Hình sự.

[3] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

Bị cáo B chưa có tiền án, tiền sự; không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ

Quá trình điều tra và tại phiên tòa khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải. Bị cáo đang tham gia lao động cùng gia đình, bị cáo đã tác động gia đình cùng bị cáo bồi thường, khắc phục hậu quả cho người bị hại; ông nội của bị cáo đã có thành tích trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước được nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Ba; người đại diện hợp pháp cho bị hại anh D xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Sau khi tai nạn xảy ra, bị cáo đã tích cực đưa nạn nhân đi cấp cứu, chữa trị và liền ngay sau đó bị cáo đến Phòng Cảnh sát giao thông tỉnh Quảng Ngãi để trình diện, khai báo về hành vi vi phạm của mình nhưng được hướng dẫn đến Công an huyện Tư Nghĩa nhưng khi đến thì bị cáo có thông tin lực lượng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tư Nghĩa đã đến hiện trường nơi xảy ra tai nạn. Bị cáo quay trở lại hiện trường để trình diện, khai báo. Như vậy, đủ cơ sở xác định bị cáo tự nguyện trình diện, khai báo về hành vi phạm tội của mình là đầu thú - tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử áp dụng các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 khi quyết định hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ tính chất hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo; bị cáo không có tiền án, tiền sự; tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bản thân bị cáo đang lao động cùng gia đình. Hội đồng xét xử xét thấy không cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội, căn cứ Điều 65 BLHS xử bị cáo B hình phạt tù cho hưởng án treo để bị cáo B cải tạo dưới sự giám sát của cơ quan có thẩm quyền để giáo dục và cải tạo bị cáo, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[5] Hình phạt bổ sung: Không.

[6] Về xử lý vật chứng

Xe mô tô, biển kiểm soát 76K4- 1296 là của Nguyễn Văn D, sinh năm: 1979, (chồng của Bạch Thị N) làm chủ sở hữu. Do đó, Cơ quan CSĐT Công an huyện Tư Nghĩa đã trả lại xe cho Nguyễn Văn D là có cơ sở.

Đối với xe ô tô, biển kiểm soát 76A- 096.50 là của bà Nguyễn Thị Kim A, sinh năm: 1969, trú Tổ dân phố 4, thị trấn Đ, huyện Đ(nay số 47 Nguyễn B, phường N, thị xã Đ, tỉnh Q) mẹ ruột của Huỳnh Trung B, làm chủ sở hữu. Do đó, Cơ quan CSĐT Công an huyện Tư Nghĩa đã trả lại cho bà Nguyễn Thị Kim A là có cơ sở.

Đối với 01 giấy phép lái xe, số 510146001789, hạng A1, B2, ghi tên: Huỳnh Trung B, đang được bảo quản tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tư Nghĩa thuộc quyền quản lý, sử dụng của bị cáo. Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử trả lại giấy phép lái xe số 510146001798, hạng A1, B2, cho bị cáo.

[7] Về dân sự: Các bên đã thỏa thuận xong nên Hội đồng xét xử không nhận định.

[8] Về án phí

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí tòa án buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

[9] Quyền kháng cáo

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo qui định tại Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017

1.1. Tuyên bố bị cáo Huỳnh Trung B phạm tội: *“Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”*

1.2. Xử phạt bị cáo Huỳnh Trung B 02 (hai) năm tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách đối với bị cáo Huỳnh Trung B là 04 (bốn) năm kể từ ngày tuyên án (22/5/2020)

1.3. Giao bị cáo Huỳnh Trung B cho Ủy ban nhân dân phường N, thị xã Đ, tỉnh Q giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về xử lý vật chứng

Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên trả cho bị cáo Huỳnh Trung B: 01 giấy phép lái xe, số 510146001798, hạng A1, B2, ghi tên: Huỳnh Trung B, đang được bảo quản tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tư Nghĩa theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan CSĐT Công an huyện Tư Nghĩa và Cơ quan Chi cục thi hành án dân sự huyện Tư Nghĩa ngày 04/11/2019.

3. Án phí

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí tòa án.

Buộc bị cáo Huỳnh Trung B nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm, sung công quỹ nhà nước.

4. Bị cáo Huỳnh Trung B, người đại diện hợp pháp cho người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Tư Nghĩa;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Tư Nghĩa;
- UBND phường Nguyễn Nghiêm, thị xã Đức Phổ;
- Bị cáo, người đại diện hợp pháp cho bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: Ấn văn; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thanh Hòa

